

Chiến lược thực hiện đối với dân số già ở Trung Quốc và một số vấn đề ở Việt Nam

NGUYỄN QUỐC ANH

Vấn đề dân số cao tuổi ở các nước châu Á đã sớm trở thành bức xúc trong giai đoạn hiện nay. Để tham khảo vấn đề này, chúng tôi giới thiệu kinh nghiệm của Trung Quốc, một nước có phong tục tập quán rất giống với Việt Nam, ngoài qui mô dân số thì các đặc trưng nhân khẩu học cũng tương tự như ta, nhìn vào đây chúng ta có thể ước lượng được hiện trạng chỉ trong khoảng 5-10 năm tới. Trung Quốc đã xây dựng một chiến lược thực hiện khá cụ thể, đây là một tham khảo rất tốt cho chương trình người cao tuổi Việt Nam.

I. Một số đặc trưng nhân khẩu học cơ bản của Trung Quốc và Việt Nam

1. Một số đặc điểm cơ bản của dân số Trung Quốc

Trung Quốc trở thành một quốc gia có dân số đang lão hóa rất nhanh, và cũng là một nước đang bị tác động rất mạnh của tình trạng lão hóa dân số cùng với sự phát triển không đồng đều trong khu vực. Tốc độ phát triển trung bình là 33,6% đối với dân số ở độ tuổi 60 trở lên trong những năm 1982-1990, trong khi đó đối với tổng dân số thì con số này chỉ là 12,3%. Đến năm 1995, số người ở độ tuổi 60 trở lên là 113,95 triệu, chiếm 9,43% tổng số dân toàn quốc. Những người ở độ tuổi 65 trở lên chiếm 6,41% và những người ở độ tuổi 80 trở lên chiếm 0,82% trong tổng số dân toàn quốc. Tỷ lệ những người sống phụ thuộc là 56,4%, trong đó người già chiếm 14,72%. Tuổi trung vị của dân số Trung Quốc tăng lên đến 24,2 năm. Dự đoán rằng người già ở Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng với tốc độ trung bình hàng năm là trên 3% trong 2-3 thập kỷ tới và đến mức được xếp vào nhóm các nước có dân số già vào cuối thế kỷ 20 này.

2. Một số đặc điểm cơ bản của dân số Việt Nam

Hiện nay, chương trình dân số Việt Nam đã có chuyển biến mạnh mẽ cả về nhận thức, tổ chức thực hiện và kết quả. Những số liệu chính thức do Tổng cục Thống kê công bố cho thấy, sau nhiều năm giảm rất chậm hoặc hầu như không giảm thì kể từ khi có Nghị quyết và Chiến lược dân số, Đảng và Nhà nước tập trung đầu tư cho công tác này, từ năm 1993 đến nay tỷ lệ sinh giảm mạnh và liên tục, từ 30,04‰ xuống khoảng 21‰, tỷ lệ phát triển dân số khoảng 1,8%, năm 1997. Về số lượng dân số, từ mức tăng thêm hàng năm trên 1,6 triệu người giảm xuống mức khoảng 1,3 triệu người. Điều này trong thập kỷ tới sẽ làm thay đổi lớn về cơ cấu dân số, một vấn đề cần sớm được quan tâm và sẽ trở thành những thách thức trong những năm 2000 đó là người cao tuổi Việt Nam.

Dân số Việt Nam có một đặc điểm riêng biệt khác với dân số các nước đang phát triển, tuy cũng có cơ cấu dân số trẻ nhưng tuổi thọ bình quân vào loại cao như các nước phát triển. Hiện nay, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tuổi thọ bình quân của nam là trên 65 tuổi và nữ là trên 67 tuổi, thuộc vào loại cao trên thế giới. Tỷ lệ người cao tuổi ở Việt Nam tăng nhanh, theo báo cáo kết quả điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình 1.10.1996 của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ người 60 tuổi trở lên năm 1996 của nước ta là 8,6%, trong đó nam là 7,2%, nữ là 9,7%. Theo cơ cấu của số liệu Tổng điều tra dân số 1989, mỗi năm có thêm hơn nửa triệu người bổ sung vào nhóm người già. Số người già trên 60 tuổi

khoảng trên 7 triệu người. Số người trên 65 tuổi là khoảng gần 5 triệu người. Tốc độ tăng dân số của nước ta trong thời gian từ 1989- 1993 là trên 2% một năm, trong khi đó thì tốc độ tăng của nhóm người già là khoảng 5,87% một năm, gần gấp ba lần mức độ tăng dân số.

Số lượng người cao tuổi Việt Nam qua các năm

Năm	60 tuổi trở lên	65 tuổi trở lên
1979	3.728.137	2.523.851
1989	4.640.101	3.065.264
1993	5.859.533	3.892.276
1997	7.057.832	4.986.124

Nguồn: Tổng cục Thống kê. Kết quả các cuộc điều tra

Như vậy, qua số liệu ta thấy tỷ lệ dân số người cao tuổi tăng lên rất nhanh, đặc biệt là trong những giai đoạn gần đây. Những giai đoạn sau, chỉ sau 4 năm số người cao tuổi đã tăng lên hơn trong cả thời gian 10 năm trước, tức là tăng lên gấp 2-3 lần so với thời gian trước. Theo dự báo của Liên Hiệp quốc, vào giữa thế kỷ sau Việt Nam sẽ có khoảng 15-20 triệu người cao tuổi và sẽ tăng lên 25-30 triệu người cao tuổi vào cuối thế kỷ 21. Một điểm nổi bật cho thấy, ngay trong thời gian những năm 2000 vấn đề người cao tuổi sẽ trở thành vấn đề bức xúc phải quan tâm, giải quyết ở Việt Nam và trong một tương lai gần vấn đề người cao tuổi của Việt Nam sẽ tương tự như hiện nay ở các nước Nhật Bản, Đài Loan...

3. So sánh một số chỉ báo nhân khẩu học - xã hội giữa Việt Nam và Trung Quốc

Để dễ so sánh đánh giá, chúng tôi sử dụng một nguồn số liệu của ấn phẩm dân số thế giới do phòng Thông tin dân số Mỹ công bố năm 1998:

Năm 1998	Trung Quốc	Việt Nam
Dân số (triệu người)	1242,5	78,5
Tỷ suất sinh (%)	1,7	1,9
Tỷ suất chết (%)	0,7	0,7
Tỷ suất tăng tự nhiên (%)	1,0	1,2
Tăng dân số gấp đôi (năm)	69	57
Tỷ suất chết trẻ sơ sinh (%)	3,1	3,8
Tổng tỷ suất sinh (con)	1,8	2,3
Tỷ lệ người 65 tuổi trở lên (%)	6	5
Tuổi thọ bình quân (tuổi)	71	67
Tỷ lệ dân đô thị (%)	30	20
Tỷ lệ sử dụng tránh thai (%)	83	75
Tỷ lệ sử dụng tránh thai (HD)	81	56
Thu nhập bình quân (GNP/người)	750	290

Nguồn: World Population data sheet 1998, Population Reference Bureau, USA

II. Tác động của lão hóa dân số lên sự phát triển kinh tế xã hội Trung Quốc

Các nhà nhân khẩu học Trung Quốc đã phân tích và nhận định, sự lão hóa dân số, dù rằng dưới một góc độ nào đó là phản ánh tiến trình của xã hội. Hiện nay đang trở thành một vấn đề cấp bách mang tính toàn cầu và là mối quan tâm chung của nhân loại đối với những tác động của nó lên sự phát triển kinh tế- xã hội, cụ thể đối với Trung Quốc là những điểm cơ bản sau:

1. Sự gia tăng của những người cao tuổi sẽ gây ra sự thay đổi tỷ lệ phụ thuộc và sự gia tăng dân số phụ thuộc sẽ tăng thêm gánh nặng cho dân số ở độ tuổi lao động.
2. Sự phát triển của quá trình lão hóa dân số sẽ được tiếp ngay bằng quá trình lão hóa của dân số ở độ tuổi lao động và ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nhân lực lao động.
3. Các chỉ tiêu về an sinh xã hội cho người cao tuổi sẽ tăng lên, và hậu quả là sẽ trở thành một gánh nặng cho ngân sách quốc gia.

4. Sự gia tăng của những người cao tuổi sẽ bắt buộc phải điều chỉnh cấu trúc nền kinh tế để đáp ứng những nhu cầu đặc biệt của những người già.

5. Chức năng truyền thống của gia đình là một hạt nhân trong việc phụng dưỡng chăm sóc cho người già đang trở nên suy yếu. Sự lão hóa dân số tạo ra sự thay đổi về qui mô và cấu trúc của hộ gia đình. Số lượng những người già bệnh tật ngày càng tăng.

III. Những chiến lược để đối phó với vấn đề lão hóa dân số ở Trung Quốc

Ở Trung Quốc, sự phát triển không đồng đều giữa các vùng lãnh thổ đã làm tăng thêm tính phức tạp và khó khăn trong việc giải quyết vấn đề lão hóa dân số. Khi áp dụng các kinh nghiệm quý báu từ các nước phát triển, Trung Quốc cần lưu tâm đến tình hình phát triển kinh tế, lịch sử, văn hóa truyền thống của mình. Cố gắng tìm kiếm một phương thức, giải pháp thích hợp để đối phó với vấn đề này.

Những bước tiếp theo đây đang được tiến hành hoặc phải được tiến hành:

1. *Xây dựng một chương trình tổng thể về phát triển dân số phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc.* Khi xây dựng chương trình phát triển dân số, Trung Quốc phải ban hành một chiến lược để điều khiển qui mô dân số, nâng cao chất lượng cuộc sống và cơ cấu tuổi và đạt được những tỷ lệ ổn định trong mục tiêu lâu dài. Hiện tại, dưới góc độ mô hình phát triển dân số, Trung Quốc đang trải qua một thời kỳ chuyển tiếp từ một nước có dân số trẻ thành sang dân số già, tỷ lệ sinh quá thấp hoặc quá cao đều là không thích hợp, vì cả hai đều tác động xấu đến sự phát triển cân bằng giữa dân số và kinh tế - xã hội, tài nguyên - môi trường. Hiện nay đang tồn tại một sự khác biệt rất lớn giữa các vùng lãnh thổ về sự phân bố dân cư cũng như về mức độ phát triển kinh tế - xã hội, vì vậy các chính sách khác nhau nên được xây dựng và tiến hành tùy theo điều kiện của từng vùng một. Ví dụ như trong nhiều năm qua, tỷ lệ sinh cũng như tỷ lệ chết vẫn đang duy trì ở mức thấp ở các khu vực kinh tế phát triển ở miền Đông đất nước, tác động trực tiếp đến vấn đề người cao tuổi trở nên cấp bách ở những khu vực này. Chính vì vậy, để đối phó với sự thiếu hụt về lao động, các khu vực này nên được ưu tiên để điều chỉnh tỷ lệ sinh ở vào một khoảng thời gian thích hợp. Hơn thế nữa, các khu vực này nên tổ chức các trường dạy nghề đào tạo các học sinh nông thôn. Sau khi tốt nghiệp, những học sinh này có thể ở lại và làm việc tại các thành phố đô thị. Bằng cách làm này, sự căng thẳng của vấn đề lão hóa dân số có thể được giảm bớt ở một chừng mực nào đó. Tỷ lệ thích hợp phải được xác định như là một mục tiêu, đồng thời hoàn thiện chất lượng của cuộc sống cũng cần được nhấn mạnh.

2. *Sử dụng có hiệu quả nguồn lao động dồi dào để đẩy mạnh một cách mãnh liệt sự phát triển kinh tế nhằm nâng cao năng lực đối phó với vấn đề lão hóa dân số.* Thời kỳ 1982-2025 là một giai đoạn quan trọng bậc nhất cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc. Trong thời kỳ này, nguồn lao động rất dồi dào và tỷ lệ phụ thuộc thấp, đặc biệt trong những năm ngay sau năm 2000, sự tăng trưởng lao động trẻ sẽ tạo ra một môi trường thuận lợi cho cách mạng kỹ thuật và nâng cao hiệu quả lao động. Sự phát triển vượt bậc của kinh tế trong giai đoạn này sẽ làm nền tảng vững mạnh để đương đầu với vấn đề lão hóa dân số sẽ xảy ra nhanh chóng và bù đắp một phần hậu quả do những tác động tiêu cực của vấn đề lão hóa dân số. Sự hoàn thiện các điều kiện chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi và tăng tuổi thọ trung bình có khả năng làm thay đổi độ tuổi nghỉ hưu và giúp cho những người về hưu có khả năng tiếp tục làm việc được. Là những người có tay nghề và giàu kinh nghiệm sống, lớp người già chính là nguồn lực quý giá của nhân loại và là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của xã hội. Sự mở rộng độ tuổi lao động, không còn nghi ngờ gì nữa, sẽ giảm bớt gánh nặng cho gia đình và xã hội trong việc nuôi nấng phụng dưỡng người già.

3. *Thiết lập một hệ thống bảo hiểm xã hội mang phong cách Trung Quốc.* Ở Trung Quốc, các doanh nghiệp thường trả tất các khoản lương hưu cho công nhân của họ và hậu quả hiện tại là khoản chi phí này đang bị quá tải do việc tăng nhanh số lượng những người về

hưu. Kể từ năm 1995, các chương trình đã được xây dựng tại từng tỉnh, khu tự trị và đặc khu để cải cách lại hệ thống lương hưu. Trong năm 1997, Hội đồng Nhà nước đã ban hành Quyết định "Xây dựng một hệ thống lương hưu cơ bản thống nhất" nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản của những người nghỉ hưu. Lương hưu hình thành chủ yếu từ hai nguồn: một phần từ Chính phủ và một phần từ các cá nhân theo một tỷ lệ tương ứng. Quyết định trên được áp dụng cho các công nhân làm việc tại các phân xưởng nhà máy dưới mọi hình thức sở hữu, và những người làm tư (tư nhân). Để đảm bảo một nguồn kinh phí ổn định, lương hưu nên bao gồm trong chi phí của sản phẩm hoặc dịch vụ của các đơn vị sản xuất. Có nhiều ý kiến cho rằng Nhà nước nên giành một quỹ đặc biệt trong ngân sách Nhà nước để trợ giá cho chương trình phúc lợi cho người cao tuổi. Đối với khu vực nông thôn các đề xuất được đặt ra theo hướng: Cá nhân trả phần lớn lương hưu, phần còn lại gồm một khoản bao cấp từ nền kinh tế tập thể (hợp tác xã) và từ khoản trợ cấp của Chính phủ thông qua chính sách định hướng. Lão hóa dân số đang phát triển với tốc độ nhanh ở hầu hết các khu vực nông thôn, bởi vì lao động trẻ đang chuyển tới các thành phố để tìm kiếm việc làm. Vì vậy có gợi ý rằng Chính phủ nên dành một quỹ cho vấn đề lương hưu ở khu vực nông thôn được lấy ra từ thuế, từ đất canh tác và các sản phẩm nông phụ (taxes on farm and sideline products).

4. Nâng cao dịch vụ cộng đồng và phát triển các chương trình phúc lợi. Cùng với sự phát triển đô thị hóa và sự giảm về qui mô gia đình, ngày càng nhiều người cao tuổi muốn sống độc lập với con cái của họ, điều này gây sự hình thành và phải hoàn thiện các phương thức hoạt động của dịch vụ cộng đồng là một vấn đề nóng bỏng. Trước hết trong kế hoạch tổng thể về phát triển đô thị của Chính phủ nên bao gồm cả vấn đề phát triển, hoàn thiện dịch vụ cộng đồng bằng cách cung cấp nguồn vốn, đào tạo tay nghề và các phương tiện, tiện nghi. Chính phủ hoặc các tổ chức phi chính phủ có thể điều hành các đại lý cung cấp dịch vụ và nhân viên của các đại lý này có thể là những người trong biên chế, những người tình nguyện làm kiêm nhiệm hoặc là dân sở tại. Sự tăng nhanh của nhóm những người cao tuổi đòi hỏi những dịch vụ chất lượng cao, do đó việc đào tạo những người chuyên môn là một việc cần thiết. Kiểu đào tạo này tập trung vào ngăn ngừa các bệnh lão khoa, kỹ thuật dưỡng lão và các dịch vụ khác bao gồm chăm sóc hàng ngày đối với những người già bị bệnh và những người sống tách biệt với con cái. Các dịch vụ tại gia (door-to-door services) cũng rất cần thiết cho những người góa bụa và những gia đình neo đơn. Chức năng phụng dưỡng người cao tuổi của gia đình phải được nhấn mạnh. Khuyến khích thế hệ trẻ sống cùng và chăm sóc các bậc sinh thành của họ, Chính phủ nên hỗ trợ về mặt tài chính cho con cháu hoặc người thân để chăm sóc những người già bệnh tật và ưu tiên về nhà ở cho những người cùng chung sống với người già. Sự hình thành các khu nhà và bệnh viện cứu trợ cho người cao tuổi góp phần vào sự nghiệp chăm sóc người già. Các trung tâm an dưỡng cộng đồng và trung tâm khám chữa thường xuyên cho người già nên được thành lập nhằm tạo điều kiện cho người cao tuổi an hưởng những năm tháng cuối đời của họ. Bằng cách này, người già sẽ không cần thiết phải sống tách biệt với con cháu và tận dụng các dịch vụ chăm sóc của cộng đồng. Hơn thế nữa, người già cũng cần được khuyến khích tự chăm sóc lẫn nhau. Điều này giúp cho việc hình thành các quan hệ hòa hợp giữa các thành viên trong cộng đồng người già.

Từ tình hình, hiện trạng và các chiến lược thực hiện cụ thể của Trung Quốc đối với vấn đề người cao tuổi, chúng tôi nghĩ đó là những vấn đề rất tốt cho chúng ta suy nghĩ đến một chiến lược toàn diện cho vấn đề người cao tuổi Việt Nam hiện nay và trong tương lai gần, một vấn đề đã bắt đầu trở thành bức xúc.